TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 57 /2023/HNGĐ-ST Ngày 15-8-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoài Sơn
2. Ông Nguyễn Minh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 08 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 08-5-2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-7-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phương Thị T, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn K, sinh năm 1978. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-5-2023, bản tự khai, nguyên đơn chị Phương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phương Thị T và anh Bùi Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 08/7/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn P, xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 12/2022 vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau .

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Văn Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Bùi Bảo K, sinh ngày 22/3/2012 hiện nay đang sinh sống cùng chị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Bùi Văn K nhưng anh K không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 23 tháng 6 năm 2023 (bút lục số 26) bà Trương Thị X trưởng thôn P, xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, cho biết: Chị T và anh K có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn P, xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình chung sống chị T, anh K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Các tổ chức đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh Bùi Văn K đi làm ăn xa, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Chị T và anh K có 01 con chung là Bùi Bảo K hiện chị T đã đưa con về bố mẹ đẻ sinh sống.

Do anh K không có mặt theo thông báo của Tòa án, nên trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh K đồng thời nguyên đơn chị Phương Thị T có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phương Thị T; Xử cho chị Phương Thị T được ly hôn anh Bùi Văn K, giao con là Bùi Bảo K cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Bùi Văn K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn anh Bùi Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phương Thị T và anh Bùi Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 08/7/2011 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo chị T trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không còn hòa hợp. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị Phương Thị T có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải, đồng thời Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng anh K không đến Tòa, không có bản khai, như vậy anh K đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng của bản thân. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị T được ly hôn anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Phương Thị T và anh Bùi Văn K có 01 con chung là Bùi Bảo K, sinh ngày 22/3/2012 hiện đang sống cùng với chị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi cháu K, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và theo nguyện vọng của cháu K, cần giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Xét thấy anh K vắng mặt tại Tòa án, chị T cũng không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Phương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh K chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản chung và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Chị Phương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phương Thị T được ly hôn anh Bùi Văn K.

2. Về con chung: Giao con là Bùi Bảo K, sinh ngày 22/3/2012 cho chị Phương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phương Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003300 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 08-5-2023 (xác nhận chị T đã nộp đủ).

4. Quyền kháng cáo: Chị Phương Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Bùi Văn K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã Y, huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Mai Thị Thu Hương